

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27-7-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Kim Cương và bà Phạm Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huê – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 145/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 29/2020/TB-XX ngày 10/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Mai T, sinh năm 1983 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thế A, sinh năm 1983 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Mai T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Mai T và anh Trần Thế A kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 16/11/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm, tính cách không phù hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống; Nguyên nhân chính là

do anh Trần Thế A làm ăn kinh tế không bàn bạc với chị T dẫn đến nợ nần nhiều . Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng anh A không sửa chữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Thế A.

Về con chung: Chị Đỗ Mai T và anh Trần Thế A có hai con chung là Trần Nhật N, sinh ngày 02/3/2013 và Trần Anh T, sinh ngày 14/7/2015. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh Trần Thế A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh A không có nhà, đất nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Trần Thế A không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh A và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Thế A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn, chị Đỗ Mai T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt . Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh A, chị T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Mai T và anh Trần Thế A có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 16/11/2010, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do quan điểm, tính cách không phù hợp , thường xuyên bất đồng quan điểm sống ; anh Trần Thế A làm ăn kinh tế không bàn bạc với chị Th dẫn đến nợ nần nhiều . Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng anh A không sửa chữa ; vợ, chồng không quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập để hòa giải tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng anh Anh không có mặt, thể hiện anh A không có thiện chí hoà giải.

Như vậy, có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị Đỗ Mai T và anh Trần Thế A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của chị T là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh A.

[3] *Về con chung*: Chị Đỗ Mai T và anh Trần Thế A có hai con chung là Trần Nhật Na, sinh ngày 02/3/2013 và Trần Anh T, sinh ngày 14/7/2015. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Trần Nhật N có đơn nguyện vọng là được ở với chị T. Anh Trần Thế A đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt, cũng không có bản khai trình bày về nguyện vọng được nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo tính ổn định và quyền lợi về mọi mặt của cháu N và cháu T, cần giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung và anh A không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào các bên có yêu cầu cấp dưỡng sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Đỗ Mai T không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh A không có lời khai nên không có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản.

[5] *Về án phí*: Chị Đỗ Mai T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Mai T được ly hôn anh Trần Thế A.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Đỗ Mai T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nhật N, sinh ngày 02/3/2013 và Trần Anh T, sinh ngày 14/7/2015, anh Trần Thế A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Mai T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị T đã nộp theo biên

lai thu số AA/2017/0006370 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái ngày 15/5/2020.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND phường Yên Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Trung